

Bản án số: 33/2023/HS-PT
Ngày 14-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ.

Bà Nguyễn Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 06/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo NTHT do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 317/2022/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

NTHT sinh ngày 05 tháng 9 năm 1987 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: ấp W, xã X, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng; nơi tạm trú: Số J, Tổ F, khu phố W1, phường X1, thành phố Y1, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVĐ và bà TTAH; có chồng là ông LVN (đã ly thân, sống chung như vợ chồng với ông NĐO (là bị cáo trong vụ án)), có 02 con (sinh năm 2010 và 2015); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 08 tháng 5 năm 2021, được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 5 năm 2021 đến nay (có mặt).

Ngoài ra, có 05 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị; 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và 02 người làm chứng không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo NDO và bị cáo NTHT sống chung như vợ chồng tại phòng số 7 nhà trọ ở đường D1, Z1, phường A, thành phố Z, tỉnh Bình Dương. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 08 tháng 5 năm 2021, các bị cáo PTA1, NHK, LMT1 và NTD (là bạn của bị cáo O) đến phòng trọ của các bị cáo O và T, tự nguyện góp mỗi người 500.000 đồng nhờ các bị cáo O và T mua thức ăn, nước uống và thuốc lá để cùng sử dụng (đã chi 200.000 đồng). Các bị cáo O, A1, K, T1 và D đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài 3 lá tính điểm (sử dụng từ lá bài A (Át hay Xì, được tính là 1 điểm) cho đến lá bài 9, các lá bài khác bỏ không sử dụng, mỗi người được chia 3 lá bài để cộng điểm lại tính được thua với người làm cái), làm cái xoay vòng, đặt cược từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Trong lúc bị cáo O và các bị cáo khác đánh bạc, bị cáo T thay bị cáo O lật mở 01 ván bài. Bị cáo D tham gia một lúc rồi đi. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo O, A1, K và T1 bị Công an bắt quả tang đang đánh bạc (trong lúc đó có mặt bị cáo T tại phòng trọ).

Tổng số tiền các bị cáo A1, O, K, T1, và D sử dụng đánh bạc là 139.000.000 đồng và tiền bị cáo T mua thức ăn, nước uống phục vụ đánh bạc còn lại là 1.800.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 317/2022/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo NTHT phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào: Điểm b Khoản 2 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo NTHT;

Xử phạt bị cáo NTHT 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2021 cho đến ngày 09/5/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt các bị cáo còn lại từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo NTD, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, bị cáo NTHT kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo vì hình phạt tại của Tòa án cấp sơ thẩm quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các điều 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Bị cáo ở chung nhà với bị cáo O, biết bị cáo O cùng các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình nhưng vẫn đồng ý, nhận tiền của các bị cáo đưa để mua thức ăn, nước uống phục vụ cho việc đánh bạc và còn

giúp bị cáo O tham gia đánh bạc 01 ván. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 139.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo cần bị cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có ông và bà ngoại là ông TVN và bà LTT được hưởng trợ cấp một lần đối với người tham gia kháng chiến chống Mỹ và có con nhỏ nên cần được áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự), thấp hơn hình phạt mà Tòa án sơ thẩm đã quyết định. Do có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T, sửa một phần Bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo T không tự bào chữa, không tranh luận.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo T xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo ở nhà nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T nộp giấy khai sinh thể hiện bị cáo có 01 người con trai sinh năm 2010 với ông LVN. Lý lịch bị can ghi nhận bị cáo T có 01 người con sinh năm 2015. Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung lý lịch của bị cáo T về nội dung này.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 08 tháng 5 năm 2021, các bị cáo PTA1, NHK, LMT1 và NTD đến phòng trọ của các bị cáo O và T, góp tiền nhờ các bị cáo O và T mua thức ăn, nước uống và

thuốc lá để cùng sử dụng. Các bị cáo O, A1, K, T1 và D đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài 3 lá, làm cái xoay vòng, đặt cược từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Trong lúc bị cáo O và các bị cáo khác đánh bạc, bị cáo T thay bị cáo O lật mở 01 ván bài. Tổng số tiền các bị cáo A1, O, K, T1, và D sử dụng đánh bạc là 139.000.000 đồng và tiền bị cáo T mua thức ăn, nước uống phục vụ đánh bạc còn lại là 1.800.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo T phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng.

[5] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, giúp sức cho các bị cáo khác đánh bạc, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, có ông và bà có công với đất nước nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp.

[6] Dù đồng phạm với các bị cáo có hành vi phạm tội tương ứng khung hình phạt tại khoản 2 của điều luật, bị cáo T tham gia với tính chất đồng phạm giản đơn, chỉ thực hiện 01 (một) lần giúp người chung sống như vợ chồng lật bài, mua đồ ăn uống cho bị cáo O và các bị cáo khác dùng khi đánh bạc mà không làm gì khác liên quan đến việc đánh bạc của các đồng phạm. Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đủ điều kiện được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Ngoài ra, bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, không có tiền sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ. Mặt khác, hình phạt mà Hội đồng xét xử sơ thẩm phạt bị cáo T nặng, không tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, giảm hình phạt cho bị cáo T.

[7] Khi phạt bị cáo T hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, Hội đồng xét xử sơ thẩm không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà viết nhận định tại đoạn [6] của Bản án sơ thẩm là áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T là không đúng. Mặt khác, tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm không ghi áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T là thiếu sót.

[8] Bị cáo T bị xử phạt tù không quá 03 năm, không có tiền án, không có tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, không cần chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho

xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo nên bị cáo T đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận một phần.

[10] Kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344; Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo NTHT, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 317/2022/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Bình Dương về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo NTHT.

Tuyên bố bị cáo NTHT phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo NTHT 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo NTHT cho Ủy ban nhân dân phường X1, thành phố Y1, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích về án treo cho bị cáo.

Bị cáo NTHT không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Z, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú và tạm trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, PHT, 17.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh